

ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN TOÁN 6 NĂM 2021-2022

Phần Trắc nghiệm

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1: Tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10 là

- A. $A = \{6; 7; 8; 9\}$. B. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$;. C. $A = \{6; 7; 8; 9; 10\}$. D. $A = \{5; 6; 7; 8; 9; 10\}$.

Câu 2: Tập hợp $A = \{16; 17; 18; 19\}$ được viết dưới dạng chỉ ra tính chất đặc trưng là

A. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 < x < 19\}$.

B. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 < x < 20\}$.

C. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 \leq x < 20\}$.

D. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 < x \leq 20\}$.

Câu 3: Số tự nhiên liền sau số $a + 2 (a \in \mathbb{N})$ là

A. a

B. $a + 1$

C. $a + 3$

D. $a + 4$

Câu 4: Biểu thức $1^3 + 2^3 + 3^3$ có giá trị là

A. 6^3

B. 6^9

C. 6^2

D. 16

Câu 5: Số nguyên liền trước số -10 là

A. -9

B. -11

C. 9

D. 11

Câu 6: Số nguyên âm nhỏ nhất có một chữ số là

A. 1

B. -1

C. 9

D. -9

Câu 7: Kết quả của phép tính $(21 - 35) - (-35 - 20)$ là

A. 41

B. 111

C. -41

D. 1

Câu 8: ƯCLN(60,90) là

A. 2

B. 3

C. 6

D. 30

Câu 9: Tập hợp các số nguyên tố có 1 chữ số là

A. $\{1; 3; 5; 7\}$

B. $\{2; 3; 5; 7\}$

C. $\{3; 5; 7; 11\}$

D. $\{1; 2; 3; 5; 7\}$

Câu 10: Để số $\overline{21*}$ chia hết cho cả 2; 3 và 5 thì * bằng

A. 1

B. 3

C. 5

D. 0

Câu 11: Số nào sau đây chia hết cho cả 3 và 5?

A. 280

B. 285

C. 296

D. 297

Câu 12: Cho tập hợp $B = \{4; 8; 12; 16\}$. Phần tử nào sau đây không thuộc tập hợp B?

A. 16

B. 12

C. 5

D. 8

Câu 13: BCNN(5;10;30) là

A. 150

B. 1500

C. 30

D. 60

Câu 14: ƯCLN(12; 24; 6) bằng:

A. 12

B. 6

C. 3

D. 24

Câu 15: Trong các số tự nhiên dưới đây, số nào là số nguyên tố?

A. 101

B. 114

C. 205

D. 303

Câu 16: Tổng $21 + 43 + 2012$ chia hết cho số nào sau đây:

A. 3

B. 5

C. 7

D. 9

Câu 17: Số đo mỗi góc của tam giác đều là

A. 40°

B. 50°

C. 60°

D. 70°

Câu 18: Diện tích hình thoi ABCD có độ dài hai đường chéo $AC = 10\text{cm}$, $BD = 6\text{cm}$ là

A. 60cm^2

B. 60cm

C. 30cm^2

D. 30cm

Câu 19: Số đường chéo chính của hình lục giác đều là

A. 3

B. 6

C. 8

D. 9

Câu 20: Diện tích của hình vuông có độ dài cạnh $a = 4.5 + 22.(8 - 3)$ (cm) là:

A. 160cm^2

B. 400cm^2

C. 40cm^2

D. 16900cm^2

Câu 21: Kết quả sắp xếp các số -4; -7; -11; -9 theo thứ tự tăng dần là:

A. -11; -9; -7; -4 B. -11; -9; -4; -7 C. -4; -7; -9; -11 D. -7; -9; -11; -4

Câu 22: Kết quả của phép tính $13 - 35$ là:

A. 22

B. -22

C. -48

D. 48

Câu 23: Nếu $x - 2 = -9$ thì x bằng:

A. -11

B. 11

C. 7

D. -7

Câu 24: Kết quả của phép tính $(-3) + (-8)$ là:

A. -11

B. -5

C. 11

D. 5

Câu 25: Tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10 là

A. $A = \{6; 7; 8; 9\}$. B. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$; . C. $A = \{6; 7; 8; 9; 10\}$. D. $A = \{5; 6; 7; 8; 9; 10\}$.

Câu 26: Tập hợp $A = \{16; 17; 18; 19\}$ được viết dưới dạng chỉ ra tính chất đặc trưng là

A. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 < x < 19\}$.

B. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 < x < 20\}$.

C. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 \leq x < 20\}$.

D. $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 15 < x \leq 20\}$.

Câu 27: Số tự nhiên liền sau số $a+2$ ($a \in \mathbb{N}$) là

A. a

B. $a+1$

C. $a+3$

D. $a+4$

Câu 28: Biểu thức $1^3 + 2^3 + 3^3$ có giá trị là

A. 6^3

B. 6^9

C. 6^2

D. 16

Câu 29: Số nguyên liền trước số -10 là

A. -9

B. -11

C. 9

D. 11

Câu 30: Số nguyên âm nhỏ nhất có một chữ số là

A. 1

B. -1

C. 9

D. -9

Câu 31: Kết quả của phép tính $(21-35)-(-35-20)$ là

A. 41

B. 111

C. -41

D. 1

Câu 32: ƯCLN(60,90) là

A. 2

B. 3

C. 6

D. 30

Câu 33: Tập hợp các số nguyên tố có 1 chữ số là

A. $\{1; 3; 5; 7\}$

B. $\{2; 3; 5; 7\}$

C. $\{3; 5; 7; 11\}$

D. $\{1; 2; 3; 5; 7\}$

Câu 34: Để số $\overline{21*}$ chia hết cho cả 2; 3 và 5 thì * bằng

A. 1

B. 3

C. 5

D. 0

Câu 35: Số nào sau đây chia hết cho cả 3 và 5?

A. 280

B. 285

C. 296

D. 297

Câu 36: Cho tập hợp $B = \{4; 8; 12; 16\}$. Phần tử nào sau đây không thuộc tập hợp B?

A. 16

B. 12

C. 5

D. 8

Câu 37: BCNN(5;10;30) là

A. 150

B. 1500

C. 30

D. 60

Câu 38: ƯCLN(12; 24; 6) bằng:

A. 12

B. 6

C. 3

D. 24

Câu 39: Trong các số tự nhiên dưới đây, số nào là số nguyên tố?

A. 101

B. 114

C. 205

D. 303

Câu 40: Tổng $21 + 43 + 2012$ chia hết cho số nào sau đây:

A. 3

B. 5

C. 7

D. 9

Câu 41: Số đo mỗi góc của tam giác đều là

A. 40^0

B. 50^0

C. 60^0

D. 70^0

Câu 42: Diện tích hình thoi ABCD có độ dài hai đường chéo $AC=10\text{cm}$, $BD=6\text{cm}$ là

A. 60cm^2

B. 60cm

C. 30cm^2

D. 30cm

Câu 43: Số đường chéo chính của hình lục giác đều là

- A. 3 B. 6 C. 8 D. 9

Câu 44: Diện tích của hình vuông có độ dài cạnh $a = 4.5 + 22.(8 - 3)$ (cm) là:

- A. 160cm^2 B. 400cm^2 C. 40cm^2 D. 16900cm^2

Câu 45: Kết quả sắp xếp các số -4; -7; -11; -9 theo thứ tự tăng dần là:

- A. -11; -9; -7; -4 B. -11; -9; -4; -7 C. -4; -7; -9; -11 D. -7; -9; -11; -4

Câu 46: Kết quả của phép tính $13 - 35$ là:

- A. 22 B. -22 C. -48 D. 48

Câu 47: Nếu $x - 2 = -9$ thì x bằng:

- A. -11 B. 11 C. 7 D. -7

Câu 48: Kết quả của phép tính $(-3) + (-8)$ là:

- B. -11 B. -5 C. 11 D. 5